

Số: 02/2023/QĐDS-ST

Ngày 18/9/2023

V/v: “Yêu cầu xác định quyền sở
hữu tài sản để thi hành án”

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

Về việc yêu cầu xác định quyền sở hữu tài sản để thi hành án

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần giải quyết việc dân sự:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Thế Thắng

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đak Mil, tỉnh Đắk Nông

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đak Mil tham gia phiên họp: Bà Lê Thu Thủy- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đak Mil, mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 02/2023/TLST-VDS ngày 24 tháng 4 năm 2023 về việc: “Yêu cầu xác định quyền sở hữu để thi hành án” theo Quyết định mở phiên họp số:03/20123/QĐPH- ST ngày 31 tháng 8 năm 2023 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

**/Người yêu cầu giải quyết việc Dân sự:*

1. Ông Trần Ngọc Th, sinh năm 1952 (có mặt)
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1981 (có đơn giải quyết vắng mặt)
3. Ông Nguyễn Quang H, sinh năm 1966
Đồng địa chỉ: Thôn Đ, xã M, huyện M, tỉnh Đắk Nông (có mặt).
4. Bà Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1973
Địa chỉ: Thôn Đức V, xã M, huyện M, tỉnh Đắk Nông (có mặt).

**/Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần Trung H, sinh năm 1966 (có đơn giải quyết vắng mặt)
2. Bà Đặng Thị Mộng H, sinh năm 1976 (có mặt)
3. Chị Trần Nữ Huyền Tr, sinh năm 1997 (có mặt)
4. Chị Trần Nữ Mai L, sinh năm 2000 (có mặt)
5. Anh Trần Thế T, sinh năm 2003
Địa chỉ: Địa chỉ: Thôn Đ, xã M, huyện M, tỉnh Đắk Nông.
(có đơn giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Căn cứ quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 35/2020/QĐST-DS ngày 20/8/2020 ông Trần Trung H và bà Đặng Thị Mộng H phải thanh toán cho ông Trần Ngọc Th số tiền 250.000.000 đồng; quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 36/2020/QĐST-DS ngày 21/8/2020 ông Trần Trung H và bà Đặng Thị Mộng H phải thanh toán cho ông Nguyễn Quang H số tiền 280.000.000 đồng; quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 10/2020/QĐST-DS ngày 28/4/2020 ông Trần Trung H và bà Đặng Thị Mộng H phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Ngọc L số tiền 550.000.000 đồng; quyết định số 34/2020/QĐST-DS ngày 20/8/2020 ông Trần Trung H và bà Đặng Thị Mộng H phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Hồng V số tiền 950.000.000 đồng. Ông Trần Ngọc Th, ông Nguyễn Quang H, bà Nguyễn Thị Ngọc L, bà Nguyễn Thị Hồng V đã làm đơn yêu cầu thi hành án.

Trong quá trình thi hành án, Chi cục thi hành án Dân sự huyện M đã tiến hành kê biên tài sản của hộ ông H, bà H để bán đấu giá để thi hành án. Theo hợp đồng mua bán tài sản đấu giá ngày 14/01/2022 thì về quyền sử dụng đất, giá khởi điểm là 3.378.683.960 đồng; về tài sản trên đất, giá khởi điểm là 306.926.100 đồng. Giá mua bán tàn sản: 3.736.000.000 đồng, chênh lệch 50.389.940 đồng. Sau khi bán đấu giá tài sản của hộ gia đình ông Trần Trung H, bà Đặng Thị Mộng H đối với thửa đất số 234,234b (hợp thửa 531) tờ bản đồ số 27 diện tích 890m² và tài sản trên đất; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA691898 do UBND huyện M cấp ngày 24/2/2010 cho hộ ông Trần Trung H và bà Đặng Thị Mộng H, được số tiền 3.736.000.000 đồng, Chi cục thi hành án dân sự huyện M đã gửi tiết kiệm không kỳ hạn tại Ngân hàng C, phòng giao dịch M. Ngày 30/9/2022, Chi cục thi hành án dân sự huyện M ra thông báo số 1289/TB – CCTHADS ngày 30/9/2022 thông báo cho người được thi hành án có quyền yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản của người phải thi hành án trong khối tài sản chung. Số tiền yêu cầu xác định phần sở hữu tài sản là 3.736.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh, sau khi trừ số tiền mà hộ ông H, bà H còn phải chi trả cho N, chi nhánh M.

Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện M đã thông báo cho người phải thi hành án và những người có quyền sở hữu chung đối với tài sản, quyền sử dụng đất biết để họ tự thỏa thuận phân chia tài sản chung hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự nhưng hết thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo mà các bên không thực hiện. Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện M đã thông báo cho người được thi hành án yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu chung tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung theo thủ tục tố tụng dân sự trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo.

Tại bản trình bày ý kiến cũng như lời khai của những người có mặt tại phiên họp hôm nay ông Trần Ngọc Th, ông Nguyễn Quang H, bà Nguyễn Thị Ngọc L, bà Nguyễn Thị Hồng V thì: Ông Trần Trung H và bà Đặng Thị Mộng H phải thi hành án theo đơn yêu cầu thi hành án của các ông bà với số tiền cụ thể như sau: Ông Trần Ngọc Th 250.000.000 đồng, ông Nguyễn Quang H 280.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Ngọc L 550.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Ngọc V 950.000.000 đồng.

Trong quá trình thi hành án, các bên không thỏa thuận được, theo thông báo số 1289/TB-CCTHADS ngày 30/9/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện M, các đương sự làm đơn yêu cầu Tòa án xác định quyền sở hữu tài sản của ông H, bà H trong khối tài sản chung của hộ gia đình để thi hành án (số tiền đang gửi tiết kiệm để đảm bảo cho việc thi hành án).

Trong bản trình bày ý kiến của ông Trần Trung H, bà Đặng Thị Mộng H, và anh Trần Thế T, chị Trần Nữ Mai L, chị Trần Nữ Hoàng Tr (là các con của ông H, bà H) thể hiện: Ngày 24/3/2010 Ủy ban nhân dân huyện Đăk Mil cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 531 tờ bản đồ số 27 diện tích 890m² cho hộ ông Trần Trung H và bà Đặng Thị Mộng H. Các ông bà không đồng ý với việc bán đấu giá tài sản của Chi cục thi hành án Dân sự huyện M, và yêu cầu phân chia đất và nhà làm 5 phần, phần của ông H, bà H để thi hành án.

Tại phiên họp, ông Trần Ngọc Th, ông Nguyễn Quang H, bà Nguyễn Thị Hồng V vẫn giữ nguyên yêu cầu; bà Đặng Thị Mộng H, chị Trần Nữ Mai L, chị Trần Nữ Hoàng Tr giữ nguyên quan điểm, đề nghị phân chia tài sản hộ gia đình thành 5 phần, mỗi người hưởng 1/5, phần của ông H, bà H để thi hành án.

Tại phiên họp, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết việc dân sự:

Từ khi thụ lý cho đến phiên họp giải quyết việc dân sự, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 212, Điều 213, Điều 219 BLDS năm 2015; Điều 29, 33 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Tòa án chấp nhận đơn yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ngọc L, ông Nguyễn Quang H, ông Trần Ngọc Th, bà Nguyễn Thị Hồng V.

Xác định ông Trần Trung H và bà Đặng Thị Mộng H mỗi người được sở hữu 1/2 giá trị tài sản trên đất là 311.503.618 đồng và lãi suất phát sinh đến thời điểm mở phiên họp.

Xác định ông Trần Trung H, bà Đặng Thị Mộng H, chị Trần Nữ Huyền Tr, chị Trần Nữ Mai L, anh Trần Thế T mỗi người được sở hữu 1/5 giá trị quyền sử dụng đất là 3.424.496.382 đồng và lãi suất phát sinh đến thời điểm mở phiên họp.

Đối với số tiền lãi tương ứng với mỗi khoản tiền trên phát sinh, tiếp tục xác định theo phần cho các ông ông Trần Trung H, bà Đặng Thị Mộng H, chị Trần Nữ Huyền Tr, chị Trần Nữ Mai L, anh Trần Thế T.

Ưu tiên nghĩa vụ thi hành án cho Ngân hàng trước; sau khi thực hiện xong nghĩa vụ với Ngân hàng, số tiền còn lại được chia theo phần cho ông Trần Trung H, bà Đặng Thị Mộng H, chị Trần Nữ Huyền Tr, chị Trần Nữ Mai L, anh Trần Thế T để thực hiện nghĩa vụ thi hành án.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: áp dụng 1 Điều 37 Nghị quyết 326: ông Th, bà L, ông H, bà V mỗi người phải chịu 300.000 đồng lệ phí DSST, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Đak Mil, tỉnh Đắk Nông nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Yêu cầu của ông Trần Ngọc Th, bà Nguyễn Thị Ngọc L, ông Nguyễn Quang H, bà Nguyễn Thị Hồng V “ Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản trong khối tài sản tài sản chung để thi hành án” theo quy định tại khoản 9 Điều 27 BLTTDS 2015, Tòa án nhân dân huyện Đak Mil thụ lý giải quyết là đúng pháp luật.

[1.2] Tại phiên họp hôm nay, người yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Trung H, anh Trần Thế T đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vắng mặt bà L, ông H, anh T là đúng quy định.

2. Về nội dung:

[2.1] Theo các quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 35/2020/QĐST-DS ngày 20/8/2020 ông Trần Trung H và bà Đặng Thị Mộng H phải thanh toán cho ông Trần Ngọc Th số tiền 250.000.000 đồng; quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 36/2020/QĐST-DS ngày 21/8/2020 ông Trần Trung H và bà Đặng Thị Mộng H phải thanh toán cho ông Nguyễn Quang H số tiền 280.000.000 đồng; quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 10/2020/QĐST-DS ngày 28/4/2020 ông Trần Trung H và bà Đặng Thị Mộng H phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Ngọc L số tiền 550.000.000 đồng; quyết định số 34/2020/QĐST-DS ngày 20/8/2020 ông Trần Trung H và bà Đặng Thị Mộng H phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Hồng V số tiền 950.000.000 đồng. Nhưng ông Trần Trung H và bà Đặng Thị Mộng H không tự nguyện thi hành.

[2.2] Trong quá trình giải quyết thi hành án, do chưa xác định được phần quyền sở hữu tài sản của ông H, bà H trong khối tài sản chung của hộ gia đình để thi hành án, Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện M đã thông báo cho người phải thi hành án và những người có quyền sở hữu chung đối với tài sản, quyền sử dụng đất biết để họ tự thỏa thuận phân chia tài sản chung hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự nhưng các bên không tự thỏa thuận được và hết thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo mà các bên không có yêu cầu Tòa án phân chia. Do đó, chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện M đã thông báo cho người được thi hành án yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu chung tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung theo thủ tục tố tụng dân sự. Do đó, những người thi hành làm đơn yêu cầu Tòa án xác định quyền sở hữu tài sản trong khối tài sản chung để thi hành án là đúng quy định tại Điều 74 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008.

[2.3] Về tài sản yêu cầu xác định quyền sở hữu là số tiền bán đấu giá thửa đất số 234,234b (hợp thửa 531) tờ bản đồ số 27 diện tích 890m² và tài sản trên đất tọa lạc tại thôn Đ, xã M, huyện M, tỉnh Đắk Nông, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA691898 do UBND huyện M cấp ngày 24/2/2010.

Về tài sản trên đất: Nhà xây diện tích 132m² kết cấu: Móng xây đá hộc,

tường xây gạch có tô trát + sơn nước, nền gạch men, trần la phong nhựa, ngoài hiên trần thạch cao, mái lợp tôn giải ngói, cửa gỗ. Gồm 1 phòng khách, 3 phòng ngủ, 01 bếp. Khu bếp diện tích 27m²; khu nhà vệ sinh diện tích 4,2m²; nhà để xe diện tích 14,4m²; hàng rào và cổng có chiều dài 35m ngang; sân xi măng diện tích 120m²; giếng khoan sâu 90m, đường kính 22cm; giếng đào sâu 25m, đường kính 1,5m; 01 cây mận; 01 cây ổi; 01 cây chôm chôm; 01 cây saphoche; 02 cây bơ; 05 cây chè; 07 cây sầu riêng. Thời điểm tạo lập tài sản: năm 2005.

Tài sản đã được bán đấu giá theo hợp đồng mua bán tài sản đấu giá ngày 14/01/2022, giá mua tài sản đấu giá là 3.736.000.000 đồng, chênh lệch so với giá khởi điểm quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là 50.389.940 đồng. Phân chia theo tỷ lệ tương ứng, Tòa án xác định giá trị quyền sử dụng đất là 3.424.496.382 đồng; giá trị tài sản trên đất 311.503.618 đồng.

[2.4] Xét nguồn gốc thửa đất số 531 (hợp thửa 234, 234b) tờ bản đồ số 27 thì thấy: Năm 2004 ông Trần Trung H được mẹ ruột là bà Nguyễn Thị N tặng cho thửa đất số 234a tờ bản đồ số 27. Ngày 30/6/2004 Ủy ban nhân dân huyện M ban hành quyết định số 490/QĐ-UB cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA033457 cho ông Trần Trung H trong đó có thửa đất số 234a tờ bản đồ số 27. Ngày 21/12/2008 bà Nguyễn Thị N tiếp tục tặng cho ông Trần Trung H và bà Đặng Thị Mộng H thửa đất số 234 tờ bản đồ số 27 diện tích 79m². Căn cứ đơn yêu cầu hợp thửa ngày 05/3/2010 của ông Trần Trung H, ngày 24/3/2010 Ủy ban nhân dân huyện M ban hành quyết định số 336/QĐ-UBND về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trần Trung H và vợ Đặng Thị Mộng H đối với thửa đất số 531 tờ bản đồ số 27 (lý do cấp: Nhận tặng cho 79m² và hợp với thửa 234b).

Ngày 05/7/2023 Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil có văn bản số 219/CV-TA đề nghị Ủy ban nhân dân huyện M trả lời nội dung: Nguồn gốc thửa đất số 234b do ông Trần Trung H nhận tặng cho từ bà Nguyễn Thị N; thửa đất số 79 ông Trần Trung H và bà Đặng Thị Mộng H nhận tặng cho và Nguyễn Thị N. Tuy nhiên, UBND huyện M lại cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trung Trung H, bà Đặng Thị Mộng H là cấp cho những ai? Thời điểm thẩm tra xác minh hồ sơ có xác định được hộ gia đình ông H, bà H gồm những ai không?

Tại văn bản số 2000/UBND-TNMT ngày 15/8/2023 Ủy ban nhân dân huyện M trả lời, về nội dung cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có đúng quy định pháp luật hay không, đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định pháp luật có liên quan tại thời điểm cấp đất để xác định và giải quyết; về nội dung cấp cho hộ gia đình là gồm những ai đề nghị Tòa án liên hệ tại Cơ quan quản lý nhân khẩu tại thời điểm cấp giấy chứng nhận để xác minh.

Điều 50 Luật đất đai năm 2003 quy định: Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư đang sử dụng đất

1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ổn định, được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận không có tranh chấp mà có một trong các loại giấy tờ sau đây thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không phải nộp tiền sử dụng đất:

...

c. Giấy tờ hợp pháp về thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất hoặc tài sản gắn liền với đất...

Khoản 29 Điều 3 Luật đất đai năm 2013: “*Hộ gia đình sử dụng đất là những người có quan hệ hôn nhân, huyết thống, nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, đang sống chung và có quyền sử dụng đất chung tại thời điểm được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất; nhận chuyển quyền sử dụng đất*”.

Điều 212 BLDS 2015 quy định:

1. Tài sản của các thành viên gia đình cùng sống chung gồm tài sản do các thành viên đóng góp, cùng nhau tạo lập nên và những tài sản khác được xác lập quyền sở hữu theo quy định của Bộ luật này và luật khác có liên quan.

Như vậy, xét về nguồn gốc đất, ông Trần Trung H được mẹ ruột tặng cho thửa đất số 234b, ông Trần Trung H và bà Đặng Thị Mộng H được mẹ ông H tặng cho thửa đất số 79; năm 2010 ông H làm đơn xin hợp thửa thành thửa 531 tờ bản đồ số 27, tại thời điểm tặng cho hợp đồng không thể hiện ý chí của bà Nguyễn Thị N tặng cho các con ông H, bà H. Ủy ban nhân dân huyện M quyết định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trần Trung H, bà Đặng Thị Mộng H. Tuy nhiên, thời điểm ông H làm đơn xin nhập thửa và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, ông H, bà H, các thành viên trong hộ đồng ý và không có ý kiến khiếu nại gì, không ai có yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 531 tờ bản đồ số 27.

Tại văn bản số 970/CAH(QLHC) ngày 01/6/2023 của Công an huyện Đăk Mil xác định: Thời điểm năm 2004 đến 2011 hộ ông Trần Trung H gồm các thành viên: ông Trần Trung H, sinh năm 1966 (chủ hộ); vợ Đặng Thị Mộng H, sinh năm 1976; con Trần Nữ Hoàng Tr, sinh năm 1997, Trần Nữ Mai L, sinh năm 2000, Trần Thế T, sinh năm 2003.

[2.6] Như vậy, có căn cứ xác định quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 531, tờ bản đồ số 27 thuộc sở hữu chung của ông H, bà H, chị Tr, chị Ly và anh T, mỗi người được hưởng 1/5 giá trị tài sản.

Đối với căn nhà và tài sản trên đất được hình thành năm 2005 chị Tr, chị L, anh T không chứng minh được mình có công sức đóng góp trong việc hình thành nên tài sản trên đất nên không có cơ sở xác định chị Tr, chị L, anh T có quyền sở hữu chung đối với tài sản trên đất nên xác định thuộc sở hữu của ông H, bà H, mỗi người được hưởng 1/2 giá trị tài sản.

[2.7] Về lệ phí việc Dân sự: Người yêu cầu phải chịu lệ phí việc dân sự theo quy định pháp luật.

[2.8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tại phiên họp là có căn cứ nên Tòa án chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 27, 149, 361, Điều 367, 370, 371, 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 31 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Thi hành án

dân sự; các Điều 209, 212, 213 Bộ luật Dân sự; Khoản 29 Điều 3 Luật đất đai năm 2013; Điều 29, 33 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 74 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận đơn yêu cầu của ông Trần Ngọc Th, ông Nguyễn Quang H, bà Nguyễn Thị Ngọc L, bà Nguyễn Thị Hồng V về việc “Yêu cầu xác định quyền sở hữu tài sản để thi hành án.”

2. Xác định quyền sở hữu tài sản đối với số tiền gửi tiết kiệm 3.736.000.000đ (*Ba tỷ bảy trăm ba mươi sáu triệu đồng*) và tiền lãi phát sinh tại hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 400000704807976/HĐTG như sau:

+ Ông Trần Trung H, bà Đặng Thị Mộng H mỗi người được sở hữu 1/5 giá trị quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 531 tờ bản đồ số 27 tại thôn Đ, xã M, huyện M, tỉnh Đắk Nông là 3.424.496.382 (*Ba tỷ bốn trăm hai mươi bốn triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn ba trăm tám mươi hai đồng*) và tiền lãi phát sinh.

+ Ông Trần Trung H, bà Đặng Thị Mộng H mỗi người được sở hữu ½ giá trị tài sản trên đất là 311.503.618 đồng (*Ba trăm mười một triệu năm trăm lẻ ba nghìn sáu trăm mười tám đồng*) và tiền lãi phát sinh.

Theo hợp đồng tiền gửi không kỳ hạn số 400000704807976/HĐTG ngày 28/02/2022 tại Ngân hàng C, phòng giao dịch M

3. Ưu tiên thanh toán tiền nợ gốc 617.000 đồng (sáu trăm mười bảy nghìn đồng) và lãi phát sinh cho Ngân hàng N, chi nhánh M trước khi xác định quyền sở hữu như trên.

4. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông Trần Ngọc Th, ông Nguyễn Quang H, bà Nguyễn Thị Ngọc L, bà Nguyễn Thị Hồng V phải nộp mỗi người 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí việc dân sự được khấu trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo các biên lai số 0007230, 0007231, 0007232, 0007233 ngày 19/4/2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện M, tỉnh Đắk Nông.

5. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Người yêu cầu, người có quyền, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định này được thông báo, niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND H.Đak Mil;
- Chi cục THADS huyện M
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THÂM PHÁN - CHÚ TỌA PHIÊN HỌP

(Đã ký)

Nguyễn Thế Thắng